

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5 – AN GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 175/2026/HNGĐ - ST

Ngày 28 - 5 - 2026

V/v Tranh chấp “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Mẫn

Ông Lê Văn Chi

- Thư ký phiên Tòa: Bà Huỳnh Thị Phượng là thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang tham gia phiên tòa:
Không tham gia.

Ngày 28 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 580/2026/TLST- HNGĐ, ngày 26 tháng 2 năm 2026 vụ tranh chấp hôn nhân và gia đình “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 158/2026/QĐXXST- HNGĐ, ngày 13 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Anh Châu Tài H, sinh năm: 1980; Số định danh cá nhân: 091080008325; địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

2. **Bị đơn:** Chị Trương Thị Tuyết M, sinh năm: 1977; Số định danh cá nhân: 091177005822; địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28/01/2026 và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Châu Tài H trình bày:

Anh và chị M trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang vào ngày 15/11/2002. Sau khi cưới cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, sống không còn hòa hợp luôn bất đồng về quan điểm và cách sống. Vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 3/2020 cho đến nay. Anh thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hôn nhân không thể tiếp tục duy trì được nên anh H yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M; Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung tên Châu Thị Chúc L - sinh ngày 29/9/1997, hiện đã trưởng thành, không

yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 20/3/2026 chị Trương Thị Tuyết M trình bày: Chị xác định về quá trình hôn nhân, con chung, tài sản là đúng. Vợ chồng chung sống thời gian đầu rất hạnh phúc, sau đó cả hai đi làm Công ty. Đến năm 2020 anh H trở về quê sinh sống, chị ở lại làm Công ty ở Bình Dương, kể từ đó tình cảm vợ chồng trở lên xa cách. Đã nhiều lần hàn gắn, chị vẫn còn yêu thương anh H muốn vợ chồng về chung sống đoàn tụ, chị không đồng ý ly hôn; Về con chung: Có 01 con chung đã trưởng thành; Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

{1.1} Về thẩm quyền: Anh Châu Tài H yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình “Ly hôn” giữa anh và chị M. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân khu vực 5 - An Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục tố tụng.

{1.2} Về sự có mặt của đương sự: Chị M có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét thấy việc vắng mặt của chị M không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với chị M.

[2]. Về nội dung:

{2.1} Về hôn nhân: Anh Châu Tài H và chị Trương Thị Tuyết M trước khi lấy nhau có tìm hiểu trước và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1996. Anh chị có đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Kiên Giang (nay là xã T, tỉnh An Giang) đăng ký kết hôn vào ngày 15/11/2002 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống vợ chồng không tự hòa giải được những mâu thuẫn dẫn đến cãi vã, vợ chồng chung sống đến tháng 3/2020 thì ly thân. Anh H và chị M cũng đã nhiều lần cho nhau cơ hội hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh H cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M; nhưng chị M cho rằng chị còn thương yêu anh H nên không đồng ý ly hôn. Tòa án đã tiến hành hòa giải động viên và cho anh chị một thời gian dài để suy nghĩ, nhưng cho đến nay thì anh chị vẫn không trở về đoàn tụ với nhau, mỗi người ở một nơi. Xét thấy hôn nhân của anh chị phải được xây dựng trên cơ sở lâu dài bền vững, vợ chồng quan tâm chăm sóc lẫn nhau và cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình. Hội đồng xét xử thấy rằng hôn nhân của anh H và chị M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Xử chấp nhận cho anh Châu Tài H được ly hôn với chị Trương Thị Tuyết M.

{2.2} Về con chung: Anh, chị có 01 người con chung tên Châu Thị Chúc L - sinh ngày 29/9/1997, hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

{2.4} Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

Án phí ly hôn sơ thẩm anh H phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số 000012878623 ngày 24/2/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Anh H đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án:

1. Về hôn nhân: Xử chấp nhận cho anh Châu Tài H được ly hôn với chị Trương Thị Tuyết M.

2. Về con chung: Con đã trưởng thành nên miễn xét

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết

4. Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm anh H phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh H đã nộp theo biên lai thu tiền số 301663 ngày 24/2/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Anh H đã nộp đủ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày; Anh H được tính kể ngày tuyên án (ngày 28/5/2026). Chị M được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, cùng cấp;
- Phòng thi hành án;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu hồ sơ, Vp

Nguyễn Thị Chuyên